

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05 - 7 - 2022

Về việc: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Phương Hoa

2. Bà Chu Thị Hồng Nhật

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2022/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: thôn N, xã V, thành phố T, tỉnh T. (*Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

2. *Bị đơn:* Anh **Trương Thanh L**, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Số nhà 35, ngõ 74, đường T1, tổ 13 (tổ 58 cũ), phường B, thành phố T, tỉnh T (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau: Chị và anh Trương Thanh L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 12 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà gia đình chồng ở số nhà 35, ngõ 74, đường T1, tổ 13 (tổ 58 cũ), phường B, thành phố T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên va chạm cãi vã nhau, mâu thuẫn kéo dài hai bên không tự dàn xếp được nếu tiếp tục chung sống thì hậu quả xấu sẽ xảy ra ảnh hưởng con cái. Từ năm 2006 chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không hỏi han quan tâm nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trương Thanh L.

Về con chung: Chị và anh Trương Thanh L có 01 con chung là Trương Thị Phương L1, sinh ngày 07/08/2005, hiện nay đang ở cùng anh L tại gia đình bên nội. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con, nếu anh L nuôi con chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị và anh L không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Tòa án đã giao, tổng đạt và niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn anh Trương Thanh L không đến Tòa án giải quyết và cũng không gửi về Tòa án văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vụ án không tiến hành hòa giải được.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/4/2022, chị Trương Thị Thanh V1 sinh năm 1986, trú tại tổ 13, phường B, thành phố T, tỉnh T (chị gái anh Trương Thanh L) trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Vợ chồng H, L có đăng ký kết hôn hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ trên. Đến đầu năm 2006 H bỏ về nhà mẹ đẻ ở, để con lại cho L và gia đình nuôi. Quá trình vợ chồng H, L chung sống đã xảy ra mâu thuẫn hay cãi vã, xúc phạm nhau. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn cụ thể gia đình không rõ. Từ khi H bỏ đi đến nay vợ chồng sống ly thân không hỏi han quan tâm đến nhau nữa. Nay H xin ly hôn với L, gia đình xác nhận vợ chồng mâu thuẫn đã từ lâu nên đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng H L có 01 con chung là Trương Thị Phương L1 sinh ngày 07/8/2005. Hiện cháu Liên đang ở cùng với bố và bà nội tại địa chỉ trên. Trường hợp vợ chồng ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết để đảm bảo quyền lợi của cháu Liên. Về tài sản: Vợ chồng H, L không có tài sản chung, không có tài sản đóng góp vào tài sản chung của gia đình chồng, không có nợ chung gì. Hiện nay anh L có hộ khẩu và địa chỉ tại số nhà số 35, ngõ 74, đường T1, tổ 13, phường B, thành phố T. Gia đình chỉ biết anh L đi tu còn ở chùa nào không rõ, anh L vẫn về gia đình khi có việc hoặc nửa tháng hay một tháng lại về thăm nhà nhưng do không có nơi ở cố định nên L không cho gia đình không biết địa chỉ.

* Tại biên bản xác minh ngày 28/4/2022, ông Trương Ngọc T2 là Tổ trưởng tổ dân phố số 13, phường B, thành phố T cung cấp: Chị Trần Thị H và anh Trương Thanh L có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H, anh L chung sống tại địa chỉ số nhà 35, ngõ 74, đường T1, tổ 13, phường B, thành phố T. Địa phương biết quá trình vợ chồng chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được. Khoảng đầu năm 2006 chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở, không thấy chị H về nhà anh L nữa, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị H có đơn xin ly hôn, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, đã sống ly thân từ lâu nên đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết. Về con chung: chị H và anh L có 01 con chung là Trương Thị Phương L1, sinh ngày 07/8/2005. Hiện nay cháu Liên đang ở cùng với bố và bà nội ổn định tại địa phương. Nếu chị H, anh L ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết. Về tài sản: chị H và anh L có tài sản chung nợ chung gì không địa phương không rõ, không thấy ai đến đòi nợ. Anh L hiện nay đã đi tu còn ở chùa nào anh L không cung cấp địa chỉ nên địa phương không rõ. Anh L vẫn thường về nhà thăm gia đình.

** Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị H ly hôn với anh Trương Thanh L.

Về con chung: Giao con chung là Trương Thị Phương L1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh L 2.000.000 đồng/ 01 tháng đến khi con Liên đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Do chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, anh L không có lời khai nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã giao, niêm yết giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho các bên đương sự, nhưng nguyên đơn chị Trần Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trương Thanh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Trương Thanh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương phù hợp với lời khai nguyên đơn, thể hiện sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường hay có va chạm, cãi vã, xúc phạm nhau, mâu thuẫn căng thẳng kéo dài không tự dàn xếp được. Do mâu thuẫn nên từ năm 2006, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo phiên hòa giải mục đích để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng anh L không có mặt thể hiện không có thiện chí đoàn tụ. Như vậy, hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Trương Thanh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Trương Thanh L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Trương Thanh L có 01 con chung là Trương Thị Phương L1, sinh ngày 07/8/2005. Từ khi chị H bỏ đi đến nay cháu Liên ở với bố được gia đình bên nội chăm sóc, học hành ổn định, cháu Liên có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng bố. Vì vậy giao con chung cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp đảm bảo quyền lợi và nguyện vọng của con chưa thành niên.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh L không có lời khai, quan điểm của chị H nếu anh L nuôi con Liên chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L 2.000.000 đồng/01 tháng, nên chấp nhận là phù hợp.

[5] Về tài sản: Nguyên đơn khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản, bị đơn không có lời khai nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147, Điều 235; 238; 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82. 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trương Thanh L.

2. Về con chung: Giao con chung là Trương Thị Phương L1, sinh ngày 07/8/2005 cho anh Trương Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trần Thị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh L 2.000.000 đồng/01 tháng (*Hai triệu đồng một tháng*), thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2022 đến khi con chung trưởng thành 18 tuổi. Chị H có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Cộng là 600.000 đồng, đã nộp 300.000 đồng, chị H còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

(*Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Trần Thị H đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình theo biên lai thu số 0000545 ngày 28/3/2022 để thi hành án phí*).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị H và bị đơn anh Trương Thanh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Bình.
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình).
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Hồng Sơn